

✓ NHÌN LẠI ẢNH HƯỞNG CỦA CHIẾN TRANH ĐÔNG DƯƠNG (1946-1954) TỚI NƯỚC PHÁP VÀ CHÂU ÂU

Đào Đức Thuận^{*}

Tóm tắt: 60 năm sau khi kết thúc Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất (1946-1954) là quãng thời gian đủ dài để giới nghiên cứu đánh giá lại các tác động của nó tới các nước có liên quan, trong trường hợp này là tới nước Pháp và Việt Nam. Tuy nhiên, ảnh hưởng của cuộc chiến này không chỉ đơn giản tác động tới nước Pháp với tư cách từng là một cường quốc thực dân trong quá khứ mà còn ít nhiều có tác động tới châu Âu, xét trong phạm vi rộng hơn. Bài viết này sẽ đánh giá những ảnh hưởng của cuộc chiến tranh Đông Dương tới nước Pháp và châu Âu.

Từ khóa: chiến tranh Đông Dương, nước Pháp, châu Âu, ảnh hưởng, phi thực dân hóa, hội nhập châu Âu

Sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, Việt Nam hay toàn bộ Đông Dương vẫn là mối quan tâm lớn về chính trị và kinh tế của Pháp. Nước Pháp vẫn mù quáng hi vọng và tin tưởng rằng, xứ “Đông Dương thuộc Pháp” sẽ giúp nước này lấy lại hình ảnh là một cường quốc thực dân như đã từng tự hào với truyền thống đó trong hàng trăm năm. Điều này giúp lý giải tại sao Việt Nam và vấn đề thực dân hóa vẫn luôn nằm trong những tính toán chính trị của giới lãnh đạo Pháp, ngay cả khi xu hướng chung của thế giới sau năm 1945 là phi thực dân hóa đã trở nên quá rõ ràng. Sự thất bại của chủ nghĩa

thực dân kiểu cũ của Pháp ở Đông Dương năm 1954, trong một chừng mực nào đó, đã chứng minh một sự thực là chủ nghĩa thực dân đã đến giai đoạn cáo chung. Điều này đã được dẫn khẳng định từ Chiến tranh thế giới thứ Hai khi sự đổ vỡ tuyệt đối của các cường quốc thực dân châu Âu ở nhiều nơi trong khu vực châu Á đã bị thay thế bởi người Nhật.

Như đã trình bày ở trên, quá trình phi thực dân hóa đã diễn ra cực kỳ mạnh mẽ sau Chiến tranh thế giới thứ Hai và kéo dài nhiều năm sau đó. Hiến chương của Liên hợp quốc (1945) đã đảm bảo quyền dân tộc tự quyết của các quốc gia thuộc địa. Sự thoái lui của Pháp tại Đông Dương (1954) nói riêng và của nhiều cường quốc thực dân châu Âu khác ở châu Á nói chung đã buộc các nước này phải đánh giá và điều chỉnh lại các chiến lược chính trị, ngoại giao của mình. Có lẽ

^{*} TS., Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

không còn phải tranh cãi thêm khi nhận định rằng, việc Pháp phải chấm dứt sự cai trị của mình tại Đông Dương là một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử của nước này, tác động mạnh mẽ tới phong trào giải phóng dân tộc của nhiều dân tộc thuộc địa trên thế giới. Sự kiện đó cũng có tác động cả tiêu cực lẫn tích cực lên chính nước Pháp và châu Âu trên tất cả các mặt: chính trị nội bộ, quân sự, kinh tế và chính sách đối với các dân tộc thuộc địa trong những năm sau đó.

1. Những tác động tới nền chính trị nội bộ của Pháp

Sự thất bại về mặt quân sự của Pháp ở Điện Biên Phủ (tháng 5 năm 1954) đánh một dấu mốc quan trọng cho quá trình phi thuộc địa hóa vốn đang diễn ra trên toàn cầu. Quan trọng hơn, sự chấm dứt của chiến cuộc Điện Biên Phủ đã tiếp tục làm đẩy lên các phong trào phản đối kéo dài các phiêu lưu quân sự ở vùng Viễn Đông xa xôi như Đông Dương. Chính phủ Laniel buộc phải từ chức là một trong những chỉ dấu cho sự khủng hoảng chính trị nội bộ của nước Pháp trong giai đoạn này. Động thái này đã dọn đường cho việc lên cầm quyền Thủ tướng của Mendès France, người từng cam kết sẽ tìm ra các giải pháp hợp lý và danh dự cho vấn đề Đông Dương trong vòng một tháng.

Sau 75 ngày đàm phán, cuối cùng, ngày 21 tháng 7 năm 1954, Hiệp định Geneva đã được các bên có trách nhiệm ký kết. Cho đến nay, việc ký kết Hiệp định này cũng như các hệ quả của nó vẫn còn tạo ra nhiều đánh giá khác nhau bởi các học giả từ nhiều phía. Tuy nhiên, một trong những đánh giá được thống nhất về kết quả của Hội nghị này là nó đã

đánh dấu một giai đoạn hòa hoãn Đông - Tây và Hiệp định Geneva là một sự thỏa hiệp, hơn là một chiến thắng tuyệt đối cho bất cứ bên liên quan nào. Trong thực tế, việc chấm dứt sự hiện diện cả về quân sự và chính trị ở Đông Dương là một thất bại trong các tham vọng thực dân của Pháp. Nó là điểm khởi đầu cho toàn bộ tiến trình phi thực dân hóa không chỉ ở châu Á mà còn ở khu vực Bắc Phi trong những năm tiếp theo. Không những thế, hệ quả của quá trình này còn dẫn đến sự hình thành và phát triển của các lực lượng chính trị cánh tả tại các nước mới được giải phóng.¹

Nhiều nhà nghiên cứu còn cho rằng, sự thất bại của Pháp tại Đông Dương cũng là điểm khởi đầu cho hàng loạt khủng hoảng chính trị của quốc gia này cho đến khi nền Cộng hòa thứ Năm được thành lập vào năm 1958. Những hệ quả tiếp theo nữa là việc chấm dứt sự dính líu của người Pháp ở Đông Dương đã góp phần làm thất bại kế hoạch xây dựng một Cộng đồng Phòng thủ Châu Âu (EDC),² là sự khởi đầu cho phong trào đòi độc lập dân tộc của Algeria hoặc là sự thâm hụt ngân sách trầm trọng và cuối cùng

¹ Xem thêm: Võ Kim Cương, "*Điện Biên Phủ với sự thức tỉnh của châu Phi thuộc địa*", in trong: *Điện Biên Phủ từ góc nhìn của các nhà khoa học Việt - Pháp*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2005, tr. 553.

² Để đáp lại lời kêu gọi của Hoa Kỳ về việc tái vũ trang Tây Đức, vào năm 1950, René Pleven, Bộ trưởng Quốc phòng Pháp đã đề xuất xây dựng một kế hoạch phòng thủ chung của các nước Tây Âu (Cộng đồng Phòng thủ Châu Âu - EDC) gồm các nước thành viên ban đầu của Cộng đồng Than - Thép Châu Âu (Pháp, Italia, Bỉ, Hà Lan, Luxembourg và Tây Đức). Theo kế hoạch này, Tây Đức có thể được tái vũ trang trong khuôn khổ EDC nhưng tổ chức này sẽ bị đặt dưới sự điều khiển của NATO.

là sự thất bại tiếp theo của người Pháp tại cuộc khủng hoảng Suez (1956). Tất cả các sự kiện này được coi là những yếu tố chính làm lung lay và sụp đổ của nền Cộng hòa thứ Tư.³

Chỉ trong vòng 13 năm tồn tại của nền Cộng hòa thứ Tư, 26 chính phủ đã được thành lập và ra đi. Riêng từ năm 1950, thời điểm chiến tranh Đông Dương bắt đầu được quốc tế hóa, đến năm 1954, đã có 9 chính phủ được thành lập tại Pháp. Chính phủ ngắn nhất chỉ tồn tại 10 ngày (chính phủ Henri Queuille, từ ngày 2 đến 12 tháng 7 năm 1950) và chính phủ tồn tại lâu nhất cũng chỉ gần 1 năm (Chính phủ Joseph Laniel, từ ngày 27 tháng 6 năm 1953 đến ngày 18 tháng 6 năm 1954). Giới nghiên cứu từng cho rằng ngày 13 tháng 5 năm 1958 chính là một hệ quả của Điện Biên Phủ.⁴ Những hệ quả này khiến chính quyền Pháp phải định hình lại chính sách nội bộ của mình nhằm phù hợp với tình hình hình mới của nền Cộng hòa thứ Năm.

2. Những tác động về quân sự

Sự thất bại của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ - nơi Pháp tập trung lực lượng thiện chiến nhất đã được chính giới Pháp và

không ít nhà nghiên cứu đánh giá là một trong những bước ngoặt bi thương nhất trong lịch sử quân sự của Pháp. Có nghiên cứu đã chỉ ra rằng, đã có khoảng hàng trăm nghìn binh lính Pháp đã hi sinh trong cuộc chiến, trong đó có 20.000 lính đánh thuê người Việt Nam, 27.000 lính đánh thuê Âu Phi, nhiều người trong số đó là người Đức và 21.000 người Pháp.⁵

Thật khó để có thể tin rằng, một quân đội Pháp hùng mạnh với hàng trăm năm kinh nghiệm, được hỗ trợ mạnh mẽ bởi Hoa Kỳ lại có thể thua một đội quân chỉ có 10 năm kinh nghiệm như quân đội của Việt Minh. Điều này thật khó chấp nhận đối với thể diện của nước Pháp. Sự thất bại về quân sự tại Điện Biên Phủ và sau đó là chấm dứt sự có mặt về chính trị của Pháp tại Đông Dương là một vết thương tâm lý không dễ dàng vượt qua đối với Pháp. Cùng với nhiều yếu tố khác trong nội tại nước Pháp và những diễn biến chính trị ở châu Âu và trên thế giới, thất bại của Pháp ở Đông Dương đặt dấu chấm hỏi về vị trí cường quốc của quốc gia này.⁶

Như đã phân tích trên đây, thất bại về quân sự của Pháp ở Đông Dương làm cho nước Pháp trở nên nhay cảm hơn bao giờ hết, đặc biệt trước vấn đề bỏ phiếu tán thành EDC ở Quốc hội Pháp. Thất bại về quân sự ở Đông Dương khiến Quốc hội Pháp quyết

³ Thomas Moser, *Europäische Integration, Dekolonisation, Eurafrika - Eine historische Analyse ueber die Entstehungsbedingungen der Eurafrikanischen Gemeinschaft von der Weltwirtschaftskrise bis zum Jaunde Vertrag, 1929 - 1963*. Nomos Verlagsgesellschaft Baden-Baden, 2000, tr. 76.

⁴ Ngày 13 tháng 5 năm 1958 cũng được thừa nhận là ngày chấm dứt của nền Cộng hòa thứ Tư. Xem thêm: Tony Smith, "A Comparative Study of French and British Decolonization", in trong: Martin Thomas (ed.), *European Decolonization*, Ashgate Publishing Limited, 2007, tr. 4.

⁵ Peter Schunck, *Geschichte Frankreichs von Heinrich IV. bis zur Gegenwart*, Piper Muenchen Zuerich, 1994, tr. 509.

⁶ Pierre Melandri, "France and the Atlantic Alliance 1950 - 1953: Between Great Power Policy and European Integration", trong Olav Riste (ed.), *Western Security: The Formative Years*, Norwegian University Press, Universitetsforlaget, 1985, tr. 279.

định bác bỏ dự án này vào ngày 30 tháng 8 năm 1954, hơn một tháng sau khi kết thúc Hội nghị Geneva về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương. Có lẽ một trong những nguyên nhân dẫn đến sự từ chối phê chuẩn một kế hoạch do chính mình đề xuất này xuất phát từ suy nghĩ về một chiến lược an ninh mới độc lập hơn là sự phụ thuộc vào Hoa Kỳ. Cũng không kém phần quan trọng là tâm lý e ngại nếu EDC được phê duyệt, nước này khó có khả năng chạy đua về mặt sức mạnh quân sự so với Tây Đức và trên hết đó là lo ngại về sự trỗi dậy trở lại của nước Đức sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, đó là điều nước Pháp chưa mong muốn.

3. Những tác động về kinh tế

Kinh tế Pháp sau Chiến tranh thế giới thứ Hai gần như kiệt quệ. Trước khi nhận hỗ trợ từ Kế hoạch Marshall vào năm 1947, đầu tư ra bên ngoài lãnh thổ Pháp chỉ bằng 1/2 so với năm 1914⁷. Các mục tiêu về chính trị và kinh tế của Pháp không phải bao giờ cũng phù hợp và bổ trợ cho nhau. Càng lấn sâu vào cuộc “chiến tranh bẩn thỉu” ở Đông Dương, Pháp càng phải phụ thuộc nhiều vào viện trợ của Hoa Kỳ (từ những năm 1950 trở đi). Đứng trước tình hình này, tất cả các đảng phái chính trị của Pháp, kể cả những người cộng sản trong Chính phủ Pháp đều tin tưởng rằng “*la France outre mer*” (nước Pháp hải ngoại hay các thuộc địa Pháp) sẽ giúp cho nước này “*sẽ góp phần bổ sung nguồn lực giúp cho việc nâng cao vị thế vốn*

đã suy giảm của Pháp ở châu Âu và trên thế giới”.⁸ Nhìn lại Hội nghị Brazzaville tháng 1 năm 1944 khi tướng De Gaulle không hề giấu giếm tham vọng tiếp tục duy trì chế độ thuộc địa, có thể thấy rằng nước Pháp không dễ dàng từ bỏ các lợi ích truyền thống từ các quốc gia thuộc địa của mình.

Khi chiến tranh ở Đông Dương ngày càng leo thang, ngân sách quốc gia của Pháp chi phí cho cuộc chiến này ngày càng tăng. Từ năm 1950, nước Pháp phải dựa nhiều vào viện trợ kinh tế của Hoa Kỳ với lý do chính do Pháp đưa ra là nước này đang đại diện cho “thế giới tự do” trong hành động ngăn chặn sự lan rộng của chủ nghĩa cộng sản tại khu vực Đông Nam châu Á. Những hậu quả về kinh tế do chiến tranh Đông Dương đem lại (và sau này là chiến tranh ở Algeria) đã khiến cho nền kinh tế Pháp thêm kiệt quệ với mức độ lạm phát nghiêm trọng. Một điều dễ dàng nhận thấy là nền kinh tế Pháp khá ốm yếu và đã được dự báo sẽ tiếp tục yếu đi khi nước này mất đi nguồn cung cấp tài nguyên truyền thống từ Đông Dương. Thậm chí nhiều nhà nghiên cứu còn nhận định rằng thật khó hình dung về một nước Pháp không còn thuộc địa vì nền kinh tế của Pháp lúc này phụ thuộc chủ yếu vào các

⁷ Bernard Weites, *Europe and the Third World - From Colonization to Decolonization*, C.1500 - 1998, St Martin's Press Inc, 1998, tr. 262.

⁸ Bernard Weites, *sđđ*, tr. 262. Xin lưu ý thêm rằng, sau năm 1945, những người cộng sản đã đóng vai trò quan trọng trong đời sống chính trị của Pháp. Cho đến năm 1947, có 5 bộ trưởng trong Chính phủ Pháp là đảng viên cộng sản. Tuy nhiên, ngay sau đó tình hình bất ổn ở Italia vốn được cho là do những người cộng sản gây ra đã gây ra tác động dây chuyền đến nước Pháp dẫn đến việc những người cộng sản Pháp buộc phải chấm dứt sự có mặt của mình trong Chính phủ. Tham khảo thêm: Philip Maynard Williams, *Crisis and Compromise: Politics in the Fourth Republic*, London, Longman, 3rd Edition, 1964.

nước thuộc địa. Trong và sau khi thất bại chiến tranh ở Đông Dương, “*thâm hụt về ngoại thương không thể nào bù đắp nổi từ nguồn lợi đầu tư nước ngoài*”⁹

4. Những tác động tới chính sách ngoại giao

Sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, nhất là từ những năm đầu của thập niên 1950, Pháp luôn phải trầm trồ trước hai lựa chọn chiến lược: hoặc tiếp tục duy trì hệ thống thuộc địa kiểu cũ của mình hoặc tham gia mạnh mẽ hơn vào quá trình thống nhất châu Âu. Tất nhiên, để trả lời dứt khoát những câu hỏi này, vấn đề thuộc địa càng phải được giải quyết triệt để. Thất bại tại Đông Dương cho thấy vị trí quốc tế của một nước “đại Pháp” đang dần suy yếu, đòi hỏi nước Pháp phải lựa chọn và giải quyết tốt các vấn đề đã đặt ra trên đây. Sau năm 1954, chính sách về thuộc địa của Pháp đã được điều chỉnh theo hướng thu hẹp lại các vùng lãnh thổ cai trị, ngược lại hẳn với chính sách về thuộc địa do chính Pháp đặt ra 70 năm trước đó.¹⁰

Sau năm 1945, mặc dù Pháp là một trong bốn nước đồng minh chiếm đóng nước Đức thua trận theo Hiệp ước Potsdam, song một điều rất rõ thấy là vị thế của nước Pháp

không thể so sánh được so với ba nước đồng minh còn lại. Ngay cả khi là thành viên của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, nước Pháp cũng không còn được xem là một cường quốc. Ngay sau khi thất bại trong nỗ lực tái chiếm thuộc địa Đông Dương, nước Pháp lại bước vào một phiêu lưu quân sự mới ở Algeria và cũng với một tâm thế theo đuổi chủ nghĩa dân tộc lỗi thời. Tuy nhiên, nỗ lực đó cũng đi đến thất bại vào năm 1962 khi Pháp buộc phải thừa nhận nền độc lập của đất nước ở khu vực Bắc Phi này.

Dưới góc độ tiến trình hội nhập và thống nhất châu Âu mới được hình thành từ đầu những năm 1950, có thể thấy rằng sự thoái lui của Pháp tại các quốc gia thuộc địa cũng đem lại một số ảnh hưởng tích cực. Có thể nhận định rằng hệ quả của chiến tranh Đông Dương, sau đó là việc chấm dứt sự có mặt của Pháp ở Morocco và Tunisia vào năm 1956 khiến cho nước này có cơ hội nhìn nhận và đánh giá sâu sắc thêm chính sách về thuộc địa và ngoại giao của mình. Bằng việc ký Hiệp ước Rome vào năm 1957, Pháp đã chính thức hội nhập sâu vào gia đình châu Âu. Thực tế đã chứng minh một điều đúng là chỉ khi nước Pháp giải quyết dứt khoát chính sách thực dân của mình và hội nhập tích cực vào cộng đồng các quốc gia Tây Âu, nước Pháp mới có cơ hội lấy lại vị trí và ảnh hưởng của mình như nhận định “*Hội nhập châu Âu trở thành một phân tử bản năng của Pháp trong việc giành lại ảnh hưởng vốn đang bị suy giảm nghiêm trọng của mình*”¹¹.

⁹ Bernard Weites, *sđd*, tr. 262.

¹⁰ Vào năm 1884, Jules Ferry (1832-1893), người 2 lần từng làm Thủ tướng Pháp (1880-1881) và (1883-1885) đã có bài phát biểu quan trọng trước Quốc hội Pháp về việc mở rộng chính sách thực dân. Trong bài phát biểu này, ông nhấn mạnh tới các yếu tố chính trị và kinh tế trong chính sách mở rộng thuộc địa của Pháp cũng như sứ mệnh của các quốc gia ở châu Âu là “khai hóa văn minh” cho các dân tộc khác. Xem thêm chi tiết về bài phát biểu này tại: www.fordham.edu/halsall/mod/1884ferry.html, (cập nhật 15/5/2014).

¹¹ Pierre Melandri và Maurice Vaisse, “France: From Powerlessness to the Search for Influence”, trong: Josef Becker, Franz Knipping (ed.), *Power in*

Nói tóm lại, vấn đề phi thuộc địa hóa đối với nước Pháp không chỉ đơn thuần là có những tác động tiêu cực đến chính trị nội bộ và kinh tế của nước Pháp mà nó còn là cơ hội tích cực cho nước Pháp trong vấn đề điều chỉnh chính sách đối nội cũng như đối ngoại của quốc gia này, đặc biệt là trong chiến lược hội nhập về kinh tế, văn hóa, chính trị... với các quốc gia Tây Âu. Những điều chỉnh trong chính sách nêu trên đều hướng tới mục tiêu là gắn kết nước Pháp với các quốc gia trong khu vực có cùng một lợi ích và mục tiêu phát triển, nhất là đối với quốc gia đang trên đà hồi phục và phát triển mạnh mẽ, cựu thù của nước Pháp là Tây Đức (CHLB Đức). Với cách đặt vấn đề như trên, có thể rút ra kết luận là có sự trùng hợp về thời điểm giữa hai xu hướng: phi thực dân hóa của Pháp và quá trình hội nhập và thống nhất châu Âu. Trong xu thế phát triển dựa trên nền tảng hợp tác bình đẳng hơn là áp đặt sự cai trị của một dân tộc này lên một dân tộc khác, Pháp nhận thức được rõ ràng rằng chủ nghĩa thực dân không còn lý do để tiếp tục tồn tại và nước này cần hội nhập nhanh và sâu rộng hơn nữa với các quốc gia liên minh, hợp tác chặt chẽ với đối tác quan trọng nhất trong liên minh các nước Tây Âu là Tây Đức. Chi bằng cách này, nước Pháp mới lại có hi vọng ổn định tình hình chính trị, kinh tế - xã hội ở trong nước, lấy lại được ảnh hưởng của mình trong khu vực và phát huy tầm ảnh hưởng ấy ra ngoài châu lục.

Trong bối cảnh châu Âu đang trên đà hồi phục và phát triển kinh tế (công nghiệp hiện đại) một cách mạnh mẽ từ những năm 1950, các sản phẩm truyền thống làm từ cotton hay than nhập từ các quốc gia thuộc địa không còn đem lại nhiều lợi nhuận như trước nữa. Đúng như một nhà nghiên cứu đã chỉ ra rằng *"Trong những năm cuối của thập niên 1950, ngày càng có nhiều người chấp nhận một thực tế là châu Âu sẽ tốt đẹp hơn nếu không còn thuộc địa"*¹²

Các nhà nghiên cứu cũng đã dự đoán đúng rằng, giai đoạn hậu thực dân sẽ dẫn tới sự phát triển kinh tế mạnh mẽ. Thay thế một nền kinh tế chủ yếu dựa vào nguồn nguyên liệu được cung cấp từ các nước thuộc địa (nhập khẩu các sản phẩm chất lượng thấp từ các nước thuộc địa, xuất khẩu hàng hóa chất lượng thấp cũng sang các thuộc địa) bằng sự hợp tác với những quốc gia có nền công nghiệp phát triển mạnh hơn, từ đó có thể hiện đại hóa công nghiệp và phát triển nền kinh tế của quốc gia mình chính là sự lựa chọn chiến lược của Pháp từ cuối những năm 1950. Một kết luận không kém phần quan trọng nữa là: quá trình phi thực dân hóa còn giúp chuyển hóa bản chất của mối quan hệ giữa "người cai trị - người bị cai trị" sang hợp tác bình đẳng hơn tùy thuộc vào mối quan hệ của hai chủ thể này.

Europe? Great Britain, France, Italy and Germany in a Postwar World 1945 - 1950, Walter de Gruyter - Berlin - New York 1986, tr. 469.

¹² Derek W. Urwin, *Western Europe since 1945*, Longmans, 1968, tr. 213.